

Số: /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Dự toán kinh phí năm 2023 thực hiện Dự án “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2334/QĐ-BNN-LN ngày 13/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn”;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 5105/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động khoa học và công nghệ lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ NN&PTNT về định mức lao động trong công tác điều tra quy hoạch rừng;

Căn cứ Quyết định số 2377/QĐ-BNN-TC ngày 14/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3245/QĐ-BNN-LN ngày 08/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Dự án “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn”

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Sinh thái rừng và Môi trường thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp tại Tờ trình số 255/TTr-ĐHLN-KHCN ngày 08/08/2023 Phê duyệt Dự toán kinh phí năm 2023 thực hiện Dự án “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn”

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Dự toán kinh phí năm 2023 thực hiện Dự án “**Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn**”, nội dung sau:

1. Dự toán kinh phí thực hiện Dự án năm 2023: **3.800.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Ba tỷ tám trăm triệu đồng*), cụ thể:

- Nội dung 1: Đánh giá thực trạng rừng và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn: 3.800.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Sự nghiệp kinh tế lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Viện Sinh thái rừng và Môi trường phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết các hạng mục thực hiện dự án; tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm

bảo theo đúng tiến độ, chất lượng, nghiệm thu kết quả theo các văn bản hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính; Viện trưởng Viện Sinh thái rừng và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước (nơi giao dịch);
- Cục Lâm nghiệp;
- Lưu: VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2023
Dự án “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tổng hợp
nâng cao hiệu quả rừng phòng hộ đầu nguồn”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Tổng kinh phí	Trong đó		
			Công lao động trực tiếp	Nguyên vật liệu, năng lượng	Chi khác
Nội dung 1. Đánh giá thực trạng rừng và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn					
I	Chi phí nhân công	3.530.943.000	3.530.943.000		
1	Chuẩn bị	32.695.000	32.695.000		
1.1	Thu thập, tổng hợp số liệu và bản đồ về rừng phòng hộ đầu nguồn trên phạm vi cả nước (8 vùng sinh thái)	32.695.000	32.695.000		
2	Ngoại nghiệp	1.922.898.000	1.922.898.000		
2.1	Điều tra hiện trạng rừng chất lượng rừng phòng hộ nguồn	1.374.261.000	1.374.261.000		
2.2	Điều tra thực trạng công tác quản lý rừng, phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến diễn biến thay đổi diện tích, chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn	434.500.000	434.500.000		
2.3	Kiểm tra ngoại nghiệp (5% công NN)	114.137.000	114.137.000		
3	Nội nghiệp	1.358.390.000	1.358.390.000		
3.1	Xử lý số liệu điều tra ô tiêu chuẩn, số liệu phỏng vấn	728.847.000	728.847.000		
3.2	Lập cơ sở dữ liệu về chất lượng rừng phòng hộ tại khu vực thực hiện dự án (1 lần/tỉnh x 2 tỉnh/tiểu lưu vực x 4 tiểu lưu vực)	325.964.000	325.964.000		
3.3	Phân tích số liệu và viết báo cáo Đánh giá hiện trạng rừng và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn	188.706.000	188.706.000		
3.5	Kiểm tra nội nghiệp (10% công nội nghiệp)	114.873.000	114.873.000		
4	Phục vụ: 1/15 x (công ngoại nghiệp + nội nghiệp)	216.960.000	216.960.000		

STT	Nội dung công việc	Tổng kinh phí	Trong đó		
			Công lao động trực tiếp	Nguyên vật liệu, năng lượng	Chi khác
II	Chi phí khác	220.000.000			220.000.000
1	Công tác phí và tiền ngủ cho kiểm tra ngoại nghiệp nội dung 1	150.000.000			150.000.000
2	Thuê xe đi điều tra, khảo sát thực hiện các nội dung của dự án	70.000.000			70.000.000
III	Chi phí vật liệu, thiết bị, VVP, phô tô (trọn gói)	49.057.000		49.057.000	
Tổng		3.800.000.000	3.530.943.000	49.057.000	220.000.000